

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

Báo cáo tài chính riêng quý 4 năm 2017

Ngày 31 tháng 12 năm 2017



Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt ("Công ty") được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014996 ngày 13 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 36/UBCK-GPHĐKD ngày 25 tháng 12 năm 2006 và các giấy phép điều chỉnh sau:

<i>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh số</i>	<i>Ngày</i>	<i>Nội dung thay đổi</i>
36/UBCK-GPHĐKD	25/12/2006	Cấp phép lần đầu
67/UBCK-GP	24/08/2007	Thay đổi vốn điều lệ từ 43.000.000.000 VND lên 86.000.000.000 VND
92/UBCK-GPĐCCTCK	05/12/2007	Thay đổi vốn điều lệ từ 86.000.000.000 VND lên 430.000.000.000 VND
115/GPĐC-UBCK	03/12/2012	Thay đổi địa chỉ trụ sở chính
38/GPĐC-UBCK	27/08/2015	Thay đổi vốn điều lệ từ 430.000.000.000 VND lên 476.438.880.000 VND
32/GPĐC-UBCK	05/09/2016	Thay đổi vốn điều lệ từ 476.438.880.000 VND lên 520.005.060.000 VND
44/GPĐC-UBCK	12/12/2016	Thay đổi vốn điều lệ từ 520.005.060.000 VND lên 534.295.060.000 VND
42/GPĐC-UBCK	29/08/2017	Thay đổi vốn điều lệ từ 534.295.060.000 VND lên 578.710.410.000 VND

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, các hoạt động tự doanh chứng khoán, cung cấp dịch vụ tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại số 22 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội và một chi nhánh (Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh) tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

Quy mô vốn

Theo báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ, tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tổng vốn điều lệ của Công ty là 578.710.410.000 VND, vốn chủ sở hữu là 727.545.231.613 VND và tổng tài sản là 1.595.529.374.903 VND.

Mục tiêu đầu tư

Công ty hoạt động với mục tiêu là đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán, đem lại lợi ích cho khách hàng, các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định hạn chế đầu tư theo Điều 44, Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán và Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 1 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo tài chính riêng quý 4 năm 2017 này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Nguyễn Trung Hà	Chủ tịch	Ngày 1 tháng 4 năm 2014
Bà Đinh Thị Hoa	Phó Chủ tịch	Ngày 1 tháng 4 năm 2014
Ông Nguyễn Nam Sơn	Thành viên	Ngày 1 tháng 4 năm 2014
Bà Nguyễn Thanh Thảo	Thành viên	Ngày 1 tháng 4 năm 2014
Ông Phạm Ngọc Quỳnh	Thành viên	Ngày 1 tháng 4 năm 2014
Bà Bùi Thị Kim Oanh	Thành viên	Ngày 1 tháng 4 năm 2014
Ông Phan Thanh Diện	Thành viên	Ngày 1 tháng 4 năm 2014

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Đỗ Việt Hùng	Trưởng ban	Ngày 1 tháng 4 năm 2014
Bà Trần Thị Hồng Nhung	Thành viên	Ngày 1 tháng 4 năm 2014
Bà Văn Thị Lan Hương	Thành viên	Ngày 1 tháng 4 năm 2014

TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 năm 2017 này là bà Nguyễn Thanh Thảo, bổ nhiệm ngày 8 tháng 3 năm 2013.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất quý 4 năm 2017 này là ông Nguyễn Trung Hà, Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Bà Nguyễn Thanh Thảo được ông Nguyễn Trung Hà ủy quyền ký báo cáo tài chính kèm theo cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 theo giấy ủy quyền số 03-13/UQ-HĐQT ngày 5 tháng 4 năm 2013.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt ("Công ty") trình bày báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ kế toán quý 4 năm 2017 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng kỳ kế toán của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động riêng, tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng và tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng của Công ty trong trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được đăng ký, Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán quý 4 năm 2017 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động riêng, tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng và tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng cho kỳ kế toán quý 4 năm 2017 kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Bà Nguyễn Thanh Thảo
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 20 tháng 01 năm 2018

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 31 tháng 12 năm 2017

B01a-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.542.705.708.793	1.305.871.510.869
110	I. Tài sản tài chính		1.541.930.914.968	1.287.366.214.029
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	9.491.945.272	14.990.614.121
111.1	a. Tiền		9.491.945.272	14.990.614.121
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	6.1	382.399.148.740	312.488.411.722
113	3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6.3	926.550.000.000	749.500.000.000
114	4. Các khoản cho vay	6.4	155.698.810.546	90.999.383.698
115	5. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	6.2	12.058.258.872	48.466.258.872
116	6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	6.6	(2.934.808.718)	(2.929.837.651)
117	7. Các khoản phải thu	7	36.763.989.867	41.203.543.354
117.1	a. Phải thu bán các tài sản tài chính		485.000.000	19.552.500.000
117.2	b. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		36.278.989.867	21.651.043.354
117.4	- Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		36.278.989.867	21.651.043.354
118	8. Trả trước cho người bán	8	20.026.940.000	20.988.268.026
119	9. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		1.778.714.202	142.506.697
122	10. Các khoản phải thu khác	9	97.916.187	11.517.065.190
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		774.793.825	18.505.296.840
131	1. Tạm ứng		23.688.462	8.538.462
133	2. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	751.105.363	675.838.378
134	3. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	13	-	17.820.920.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		52.823.666.110	53.871.995.429
210	I. Tài sản tài chính dài hạn		36.704.000.000	36.704.000.000
212	1. Các khoản đầu tư	6.7	36.704.000.000	36.704.000.000
212.2	a. Đầu tư vào công ty con		36.704.000.000	36.704.000.000
220	II. Tài sản cố định		7.867.286.360	8.681.246.176
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	4.133.054.866	3.910.790.106
222	a. Nguyên giá		18.601.562.857	18.056.362.035
223a	b. Giá trị hao mòn lũy kế		(14.468.507.991)	(14.145.571.929)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	3.734.231.494	4.770.456.070
228	a. Nguyên giá		12.133.276.309	12.053.276.309
229a	b. Giá trị hao mòn lũy kế		(8.399.044.815)	(7.282.820.239)
250	III. Tài sản dài hạn khác		8.252.379.750	8.486.749.253
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	13	1.062.175.500	1.057.258.000
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	10	782.258.272	899.328.257
253	3. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	14	2.136.564.460	2.618.258.460
254	4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	15	4.271.381.518	3.911.904.536
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.595.529.374.903	1.359.743.506.298

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2017

B01a-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		867.984.143.290	753.362.896.164
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		855.556.813.963	753.362.896.164
311	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	802.221.000.000	636.533.000.000
312	a. Vay ngắn hạn		802.221.000.000	636.533.000.000
318	2. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	16	307.025.126	236.385.079
320	3. Phải trả người bán ngắn hạn	17	18.875.804.175	56.857.460.976
321	4. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	20	-	39.700.852.000
322	5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	18.416.241.248	10.860.348.358
323	6. Phải trả người lao động		5.298.219.599	4.905.662.165
324	7. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		-	-
325	8. Chi phí phải trả ngắn hạn	21	3.790.739.445	817.985.574
329	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	22	1.424.380.396	1.306.126.676
331	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	23	5.223.403.974	2.145.075.336
340	II. Nợ phải trả ngắn hạn		12.427.329.327	-
356	1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		12.427.329.327	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		727.545.231.613	606.380.610.134
410	I. Vốn chủ sở hữu		727.545.231.613	606.380.610.134
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		546.068.600.800	501.653.250.800
411.1	a. Vốn góp của chủ sở hữu		578.710.410.000	534.295.060.000
411.1a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		578.710.410.000	534.295.060.000
411.2	b. Thặng dư vốn cổ phần		1.089.741.383	1.089.741.383
411.5	c. Cổ phiếu quỹ		(33.731.550.583)	(33.731.550.583)
414	2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		6.686.624.526	11.347.490.206
415	3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		29.623.334.526	24.415.890.206
417	4. Lợi nhuận chưa phân phối	24.2	145.166.671.761	68.963.978.922
417.1	a. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		95.457.354.452	68.963.978.922
417.2	b. Lợi nhuận chưa thực hiện		49.709.317.309	-
440	TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.595.529.374.903	1.359.743.506.298

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2017

B01a-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND
	A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
004	1. Nợ khó đòi đã xử lý	25.1	38.032.022.388	46.189.912.474
005	2. Ngoại tệ các loại	25.2	2.691.216.466	7.138.430.798
006	3. Cổ phiếu đang lưu hành (*)	25.3	53.800.291	49.358.756
007	4. Cổ phiếu quỹ (*)	25.4	4.070.750	4.070.750
008	5. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán của Công ty	25.5	143.198.500.000	148.980.750.000
009	6. Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch của Công ty	25.6	2.530.000	22.430.000
010	7. Tài sản tài chính chờ về của Công ty		32.000.000.000	5.000.000.000
012	8. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán của Công ty	25.7	9.198.700.000	54.708.700.000
013	9. Tài sản tài chính được hưởng quyền của Công ty	25.8	400.000.000	-

(*) Số dư các tài khoản này thể hiện số lượng chứng khoán.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2017

B01a-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán của Nhà đầu tư	25.9	979.097.190.000	899.250.930.000
021.1	a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		884.137.090.000	809.636.700.000
021.2	b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		3.230.500.000	38.280.000
021.3	c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		79.200.000.000	79.200.000.000
021.4	d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		-	6.369.850.000
021.5	e. Tài sản tài chính chờ thanh toán		12.529.600.000	4.006.100.000
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	25.10	34.985.650.000	14.906.060.000
022.1	a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		34.985.650.000	14.906.060.000
023	3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	25.11	29.631.200.000	9.325.710.000


Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt


BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2017

B01a-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (tiếp theo)			
026	4. Tiền gửi của khách hàng	25.12	104.916.932.948	59.764.940.474
027	a. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		104.910.816.409	59.758.999.483
029	b. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		6.116.539	5.940.991
029.1	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước		5.707.897	5.534.760
029.2	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài		408.642	406.231
031	5. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	25.13	104.916.932.948	59.764.940.474
031.1	a. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		104.744.780.003	59.138.158.303
031.2	b. Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		172.152.945	626.782.171
035	6. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	25.14	1.409.021.095	1.290.767.375


Bà Nguyễn Thị Vân
Người lập


Ông Lê Quang Tiến
Kế toán Trưởng



Bà Nguyễn Thanh Thảo
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 20 tháng 01 năm 2018

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán quý 4 năm 2017 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

B02a-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 4 năm 2017 VND	Quý 4 năm 2016 VND	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2017	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2016
01	I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG					
	1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		90.087.093.834	25.240.846.181	292.477.724.586	87.679.242.682
01.1	a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	26.1	41.189.829.659	20.613.757.618	144.370.348.492	58.390.933.998
01.2	b. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	26.2	45.676.665.925	2.736.287.663	133.265.564.794	15.964.267.784
01.3	c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	26.3	3.220.598.250	1.890.800.900	14.841.811.300	13.324.040.900
02	2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	26.3	18.393.639.447	11.215.032.298	70.404.992.226	32.025.084.243
03	3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	26.3	3.878.470.573	2.562.607.113	12.307.244.580	8.054.264.182
06	4. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	26.4	5.676.998.995	8.517.854.581	12.156.183.521	14.446.802.168
09	5. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	26.4	122.305.565	105.250.295	457.626.881	393.995.539
10	6. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	26.4	1.481.818.181	4.828.600.000	1.714.545.454	18.607.675.000
11	7. Thu nhập từ hoạt động khác	26.4	-	-	-	-
20	Cộng doanh thu hoạt động		119.640.326.595	52.470.190.468	389.518.317.248	161.207.063.814
	II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG					
21	1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		(15.150.283.219)	(8.451.567.936)	(90.825.473.917)	(26.506.854.658)
21.1	a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	26.1	(70.906.042)	(1.123.791.204)	(19.471.224.431)	(5.660.127.379)
21.2	b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	26.2	(15.036.343.579)	(7.223.341.225)	(71.128.918.158)	(20.626.508.968)
21.3	c. Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL		(43.033.598)	(104.435.507)	(225.331.328)	(220.218.311)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

cho kỳ kế toán quý 4 năm 2017 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

B02a-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 4 năm 2017 VND	Quý 4 năm 2016 VND	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2017	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2016
24	2. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay		(3.089.716.278) (18.367.945.306) (3.516.052.717)	(1.776.774.038) (6.629.927.859) (2.797.685.156)	(7.592.768.746) (23.817.944.093) (11.401.023.379)	(5.401.346.841) (11.122.888.169) (10.193.085.085)
26	3. Chi phí hoạt động tự doanh	28		(348.993.000)	(455.843.128)	(348.993.000) (398.960.288)
27	4. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	28	(122.262.754)	(110.988.392)	(10.887.399.288)	(8.683.213.761)
29	5. Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	28	(4.918.643.227) (19.412.061)	(4.406.139.433) (11.816.368)	(73.974.524)	(55.360.035)
30	6. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán					
31	7. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính		(45.184.315.562)	(24.533.892.182)	(145.054.427.075)	(62.710.701.837)
32	8. Chi phí các dịch vụ khác					
40	Cộng chi phí hoạt động		(45.184.315.562)	(24.533.892.182)	(145.054.427.075)	(62.710.701.837)
	DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH					
41	Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		219	6.887.724	4.115.802	6.965.335
42	Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định		366.030.270	514.797.000	7.308.945.590	2.639.408.613
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính	27	366.030.489	521.684.724	7.313.061.392	2.646.373.948
	CHI PHÍ TÀI CHÍNH					
51	Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		(5.661.619)	(523)	(21.647.110)	(100.824.820)
52	2. Chi phí lãi vay		(11.158.350.428)	(7.359.933.760)	(45.347.385.469)	(18.687.741.044)
60	Cộng chi phí tài chính	29	(11.164.012.047)	(7.359.934.283)	(45.369.032.579)	(18.788.565.864)
62	CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	31	(10.229.418.353)	(7.472.351.122)	(22.802.384.126)	(18.881.646.628)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán quý 4 năm 2017 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

B02a-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 4 năm 2017 VND	Quý 4 năm 2016 VND	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2017	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2016
70	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		53.428.611.122	13.625.697.605	183.605.534.860	63.472.523.433
	I. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC					
71	1. Thu nhập khác		-	11.194.645.016	5.188.327.939	11.194.645.021
72	2. Chi phí khác		-	(134.991.750)	(232.849.227)	(134.991.753)
80	Cộng kết quả hoạt động khác	30	-	11.059.653.266	4.955.478.712	11.059.653.268
90	II. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		53.428.611.122	24.685.350.871	188.561.013.572	74.532.176.701
91	1. Lợi nhuận đã thực hiện		22.788.288.776	24.685.350.871	126.424.366.936	74.532.176.701
92	2. Lợi nhuận chưa thực hiện		30.640.322.346	-	62.136.646.636	-
100	III. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN)	32	(16.924.908.833)	(5.282.967.276)	(34.702.809.855)	(12.965.603.931)
100.1	1. Chi phí thuế TNDN hiện hành		(4.630.813.506)	(5.021.141.430)	(21.793.786.528)	(12.703.778.085)
100.2	2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		(12.294.095.327)	(261.825.846)	(12.909.023.327)	(261.825.846)
200	IV. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		36.503.702.289	19.402.383.595	153.858.203.717	61.566.572.770
300	THU NHẬP TOÀN DIỆN RIÊNG KHÁC SAU THUẾ TNDN		-	-	-	-
400	Tổng thu nhập toàn diện riêng		36.503.702.289	19.402.383.595	153.858.203.717	61.566.572.770

Hà Nội, Việt Nam, ngày 20 tháng 01 năm 2018

Bà Nguyễn Thị Vân
Người lập

Ông Lê Quang Tiến
Kế toán Trưởng

Bà Nguyễn Thanh Thảo
Tổng Giám Đốc





TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thanh Thảo

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

B03b-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2017 VND	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2016 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước Thuế TNDN		188.561.013.572	74.532.176.701
02	2. Điều chỉnh cho các khoản		5.115.865.263	(561.779.109)
03	- Khấu hao TSCĐ		2.347.469.661	2.401.523.201
06	- Chi phí lãi vay		45.347.385.469	18.687.741.044
07	- Lãi từ hoạt động đầu tư		(6.300.000.000)	-
08	- Dự thu tiền lãi		(36.278.989.867)	(21.651.043.354)
10	3. Tăng các chi phí phi tiền tệ		71.133.889.225	21.867.866.619
11	- Lỗi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		71.128.918.158	20.626.508.968
13	- (Hoàn nhập)/lỗi suy giảm giá trị các khoản cho vay		4.971.067	1.241.357.651
18	4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ		(175.019.016.170)	(15.964.267.784)
19	- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		(133.265.564.794)	(15.964.267.784)
21	- Lãi khác		(41.753.451.376)	-
30	5. Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(236.247.911.014)	(655.094.945.394)
31	- Tăng/giảm tài sản tài chính FVTPL		33.979.360.993	(47.879.810.744)
32	- Tăng các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)		(177.050.000.000)	(518.600.000.000)
33	- Tăng các khoản cho vay		(64.699.426.848)	(47.837.030.984)
34	- Tăng tài sản sẵn tài chính sẵn sàng để bán AFS		36.408.000.000	(36.408.000.000)
35	- Giảm/(tăng) phải thu bán các tài sản tài chính		19.067.500.000	(17.510.884.000)
36	- Giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		21.651.043.354	4.620.335.000
37	- (Tăng)/giảm các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp		(1.636.207.505)	4.783.293.618
39	- Giảm/(tăng) các khoản phải thu khác		12.380.477.029	(32.159.285.181)
40	- Tăng các tài sản khác		107.067.018	(52.492.813)
41	- (Giảm)/tăng chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		(2.839.518)	182.839.518
42	- Tăng chi phí trả trước		41.803.000	(455.419.011)
43	- Thuế TNDN đã nộp	19	(14.519.287.166)	(14.514.842.418)
44	- Lãi vay đã trả		(42.371.792.080)	(18.095.228.021)
45	- (Giảm)/tăng phải trả cho người bán		(77.682.508.801)	94.241.114.797
46	- Tăng khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		-	-
47	- Giảm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)		(200.300.472)	(1.628.896.693)
48	- Giảm phải trả người lao động		392.557.434	(5.903.726.978)
50	- (Giảm)/tăng phải trả, phải nộp khác		70.640.047	(26.415.289)
52	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		17.816.002.500	(17.850.496.195)
60	Tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(146.456.159.124)	(575.220.948.966)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

B03b-CTCK

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2017 VND	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2016 VND
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
61	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	11.12	(1.533.509.845)	(1.209.099.200)
62	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác		100.000.000	-
63	3. Tiền chi đầu tư vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác		6.200.000.000	-
70	Tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư		4.766.490.155	(1.209.099.200)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
71	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	2.989.381.000
73	2. Tiền vay gốc	18	4.590.510.396.787	1.902.226.825.013
73.2	a. Tiền vay khác		4.590.510.396.787	1.902.226.825.013
74	3. Tiền chi trả nợ gốc vay	18	(4.424.822.396.787)	(1.305.693.825.013)
74.3	a. Tiền chi trả gốc vay khác		(4.424.822.396.787)	(1.305.693.825.013)
76	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(29.496.999.880)	(43.421.305.200)
80	Tiền thuần từ hoạt động tài chính		136.191.000.120	556.101.075.800
90	TĂNG/(GIẢM) TIỀN THUẦN TRONG KỲ		(5.498.668.849)	(20.328.972.366)
101	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	4	14.990.614.121	35.319.586.488
101.1	Tiền		14.990.614.121	35.319.586.488
103	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	4	9.491.945.272	14.990.614.121
103.1	Tiền		9.491.945.272	14.990.614.121

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

B03b-CTCK

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2017 VND	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2016 VND
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		612.538.037.100	556.701.299.400
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(619.779.870.000)	(467.090.406.100)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		1.345.296.197.748	1.066.048.931.988
08	4. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(1.346.466.908.968)	(1.215.472.578.598)
11	5. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(449.695.250)	(367.163.956)
14	6. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		63.804.395.844	65.273.953.717
15	7. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(9.790.164.000)	(17.136.051.000)
20	Tăng tiền thuần trong kỳ		45.151.992.474	(12.042.014.549)
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng	25.12	59.764.940.474	71.806.955.023
31	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:		59.764.940.474	71.806.955.023
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		59.758.999.483	71.799.002.094
34	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		5.940.991	7.952.929
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng	25.12	104.916.932.948	59.764.940.474
41	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:		104.916.932.948	59.764.940.474
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		104.910.816.409	59.758.999.483
44	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		6.116.539	5.940.991

Bà Nguyễn Thị Vân
Người lập

Ông Lê Quang Tiến
Kế toán Trưởng

Bà Nguyễn Thanh Thảo
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 20 tháng 01 năm 2018

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

B04a-CTCK

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số đầu kỳ		Số tăng/(giảm)		Số cuối kỳ	
		Kỳ trước		Kỳ này		Ngày 31/12/2016 VND	
		Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND	Ngày 31/12/2016 VND	Ngày 31/12/2017 VND
I. BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU							
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	24.1	476.438.880.000	534.295.060.000	57.856.180.000	-	44.415.350.000	534.295.060.000
2. Thặng dư vốn cổ phần							
3. Cổ phiếu quỹ		(35.631.190.200)	(33.731.550.583)	1.089.741.383	-	-	1.089.741.383
4. Quỹ dự trữ vốn					1.899.639.617	-	(33.731.550.583)
5. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	24.1	21.337.561.568	11.347.490.206	3.078.328.638	(13.068.400.000)	5.207.444.320	11.347.490.206
6. Lợi nhuận chưa phân phối							
- Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	24.2	92.178.157.948	68.963.978.921	61.566.572.770	(84.780.751.797)	153.858.203.717	68.963.978.921
- Lợi nhuận chưa thực hiện		92.178.157.948	68.963.978.921	61.566.572.770	(84.780.751.797)	104.148.886.408	68.963.978.921
TỔNG CỘNG		575.660.970.884	606.380.610.134	126.669.151.430	(95.949.512.180)	208.688.442.357	606.380.610.134

(Handwritten signature)



Bà Nguyễn Thị Vân
Người lập

Ông Lê Quang Tiến
Kế toán Trưởng

Bà Nguyễn Thanh Thảo
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 20 tháng 01 năm 2018

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

B09a-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho kỳ kế toán quý 4 năm 2017 kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt ("Công ty") được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103014996 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 13 tháng 12 năm 2006, Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 36/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp tại ngày 25 tháng 12 năm 2006 và các văn bản sửa đổi khác.

<i>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh số</i>	<i>Ngày</i>	<i>Nội dung thay đổi</i>
36/UBCK-GPHĐKD	25/12/2006	Cấp phép lần đầu
67/UBCK-GP	24/08/2007	Thay đổi vốn điều lệ từ 43.000.000.000 VND lên 86.000.000.000 VND
92/UBCK-GPĐCCTCK	05/12/2007	Thay đổi vốn điều lệ từ 86.000.000.000 VND lên 430.000.000.000 VND
115/GPĐC-UBCK	03/12/2012	Thay đổi địa chỉ trụ sở chính
38/GPĐC-UBCK	27/08/2015	Thay đổi vốn điều lệ từ 430.000.000.000 VND lên 476.438.880.000 VND
32/GPĐC-UBCK	05/09/2016	Thay đổi vốn điều lệ từ 476.438.880.000 VND lên 520.005.060.000 VND
44/GPĐC-UBCK	12/12/2016	Thay đổi vốn điều lệ từ 520.005.060.000 VND lên 534.295.060.000 VND
42/GPĐC-UBCK	29/08/2017	Thay đổi vốn điều lệ từ 534.295.060.000 VND lên 578.710.410.000 VND

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, các hoạt động tự doanh chứng khoán, cung cấp dịch vụ tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại số 22 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội và một chi nhánh (Chi nhánh Hồ Chí Minh) tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 58 người (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 60 người).

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

Quy mô vốn

Theo báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ, tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tổng vốn điều lệ của Công ty là 578.710.410.000 VND, vốn chủ sở hữu là 727.545.231.613 VND và tổng tài sản là 1.595.529.374.903 VND.

Mục tiêu đầu tư

Công ty hoạt động với mục tiêu là đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán, đem lại lợi ích cho khách hàng, các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

B09a-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho kỳ kế toán quý 4 năm 2017 kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 44, Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán, Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC và các quy định hiện hành về hạn chế đầu tư. Một số khoản mục hạn chế đầu tư theo các quy định hiện hành như sau:

- ▶ Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
- ▶ Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.
- ▶ Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được phép mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về mua bán lại trái phiếu chính phủ.
- ▶ Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác thực hiện các nghiệp vụ sau: Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng; Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác; Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết; Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở; Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% trên tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư quá 70% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 20% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

Công ty con

Công ty có một công ty con là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt, là một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005793 ngày 26 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty được cấp giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ lần đầu số 15/UBCK-GPHĐQLQ ngày 28 tháng 12 năm 2006 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 21/GPĐC-UBCK ngày 1 tháng 9 năm 2015 bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Công ty con có trụ sở tại lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, số 63A Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty nắm 99.20% phần vốn chủ sở hữu và 99.20% quyền biểu quyết trong công ty con này (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 99.20%).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

B09a-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho kỳ kế toán quý 4 năm 2017 kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính riêng quý 4 năm 2017 của Công ty được lập phù hợp với Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC, Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành.

Theo đó, báo cáo tài chính riêng quý 4 năm 2017 được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ và biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Mục đích lập báo cáo tài chính riêng*

Công ty có công ty con như được trình bày tại Thuyết minh 1, Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 để ngày 14 tháng 8 năm 2017.

Người sử dụng báo cáo tài chính nên đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động hợp nhất giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con.

2.5 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

B09a-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho kỳ kế toán quý 4 năm 2017 kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Ngày 20 tháng 11 năm 2015, Quốc hội đã thông qua Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ("Luật Kế toán 2015") với hiệu lực áp dụng từ ngày 1 tháng 1 năm 2017, Luật Kế toán 2015 đưa ra quy định về việc áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý, khi xác định giá trị sau ghi nhận ban đầu, đối với một số loại tài sản và nợ phải trả mà giá trị của chúng biến động thường xuyên theo giá thị trường và có thể được xác định lại một cách đáng tin cậy.

Theo đó, một số tài sản tài chính được ghi nhận như sau:

- ▶ Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL): được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận theo giá trị hợp lý. Mọi khoản chênh lệch (lãi hoặc lỗ) phát sinh từ việc thay đổi giá trị do đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ.
- ▶ Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS): được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính AFS được ghi nhận theo giá trị hợp lý. Chênh lệch phát sinh từ thay đổi giá trị do đánh giá lại các tài sản tài chính AFS (thu nhập toàn diện khác) được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu - chỉ tiêu "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý" của báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng giữa niên độ, ngoại trừ các khoản lỗ do suy giảm giá trị tài sản tài chính AFS được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động riêng giữa niên độ.

Công ty đã áp dụng nguyên tắc kế toán giá trị hợp lý trên cơ sở phi hồi tố.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ.

3.3 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - ▶ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - ▶ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - ▶ Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:
 - ▶ Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau.
 - ▶ Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty chứng khoán.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận theo giá trị hợp lý. Thay đổi trong giá trị hợp lý được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động riêng giữa niên độ trong kỳ.

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động riêng giữa niên độ ngay khi phát sinh.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

B09a-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho kỳ kế toán quý 4 năm 2017 kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) (tiếp theo)

Giá trị thị trường/hợp lý của chứng khoán được xác định theo các cơ sở sau:

- ▶ Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- ▶ Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- ▶ Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính gần nhất.
- ▶ Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá giá trị chứng khoán.
- ▶ Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá giá trị hợp lý dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

3.4 Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn. ngoại trừ:

- a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này như phí môi giới, phí giao dịch, phí đại lý phát hành và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của tài sản tài chính HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn. trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Phương pháp lãi suất thực là một phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các tài sản tài chính HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

B09a-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho kỳ kế toán quý 4 năm 2017 kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

3.6 Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và phải thu;
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
- Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ.

Các tài sản tài chính AFS được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này. Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính AFS được ghi nhận ghi nhận theo giá trị hợp lý. Trong trường hợp giá trị hợp lý được xác định không đáng tin cậy, tài sản tài chính AFS được ghi nhận ghi nhận theo giá gốc.

3.7 Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính

Các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn, sẵn sàng để bán và các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ.

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các tài sản tài chính có thể chuyển nhượng được trên thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá trị sổ sách và giá trị thực tế trên thị trường tại ngày có giao dịch gần nhất nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 146/2014/TT-BTC và Thông tư số 228/2009/TT-BTC. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động riêng giữa niên độ trên khoản mục "*Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay*".

Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

B09a-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho kỳ kế toán quý 4 năm 2017 kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 *Ngừng ghi nhận tài sản tài chính*

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- ▶ Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- ▶ Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
 - Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản, hoặc
 - Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Việc tiếp tục tham gia mà có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

3.9 *Phân loại lại tài sản tài chính*

Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL

Công ty chứng khoán khi bán các tài sản tài chính không thuộc loại tài sản tài chính FVTPL phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các loại tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS hiện đang theo dõi trên khoản mục "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý" sẽ được ghi nhận vào tài khoản doanh thu hoặc chi phí tương ứng tại ngày phân loại lại các tài sản tài chính AFS khi bán.

Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ

Công ty chứng khoán được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.

Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động riêng giữa niên độ - Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho kỳ kế toán quý 4 năm 2017 kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư tài sản tài chính dài hạn

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con được ghi nhận theo phương pháp giá gốc trên báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty. Cổ tức được chia từ lợi nhuận sau thuế của các công ty con được ghi nhận là thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động riêng giữa niên độ.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư vào công ty con được lập riêng cho từng khoản đầu tư có tổn thất, và được xem xét vào cuối kỳ kế toán. Công ty thực hiện trích lập dự phòng các khoản đầu tư vào công ty con nếu khoản đầu tư bị tổn thất do các công ty con bị lỗ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ.

3.11 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động riêng giữa niên độ trên khoản mục "*Chi phí quản lý công ty chứng khoán*" trong kỳ.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

3.12 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động riêng giữa niên độ.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

B09a-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho kỳ kế toán quý 4 năm 2017 kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động riêng giữa niên độ.

3.14 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao và hao mòn tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	3 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	2 - 5 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	3 năm
Phần mềm tin học	1 - 5 năm
Tài sản cố định vô hình khác	2 - 3 năm

3.15 Thuê tài sản

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

3.16 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn để phân bổ dần từ ba (3) đến ba mươi sáu (36) tháng vào báo cáo kết quả hoạt động riêng giữa niên độ:

- ▶ Chi phí cải tạo văn phòng;
- ▶ Chi phí thuê văn phòng; và
- ▶ Chi phí vật dụng văn phòng.

3.17 Các khoản vay

Các khoản vay được phát hành bởi Công ty được công bố và trình bày theo số dư gốc tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

3.18 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

B09a-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho kỳ kế toán quý 4 năm 2017 kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Lợi ích của nhân viên

3.19.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty đóng góp vào trợ cấp hưu trí này bằng việc đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 18% lương cơ bản và phụ cấp hàng tháng của họ. Theo Quyết định 595/2017/QĐ-BHXH, tỷ lệ đóng góp áp dụng từ ngày 1 tháng 6 năm 2017 là 17.5%. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác về trợ cấp nghỉ hưu của nhân viên, ngoài nghĩa vụ đóng tiền cho Bảo hiểm Xã hội hàng tháng.

3.19.2 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo quy định hiện hành, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

3.20 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

- ▶ Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- ▶ Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động riêng giữa niên độ.

3.21 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.22 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

B09a-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho kỳ kế toán quý 4 năm 2017 kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.22 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định ("TSCĐ"), nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí năm trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

3.23 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu.

3.24 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho/hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

B09a-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho kỳ kế toán quý 4 năm 2017 kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.24 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

3.25 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

B09a-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho kỳ kế toán quý 4 năm 2017 kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.25 *Vốn chủ sở hữu* (tiếp theo)

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo lãi lỗ của báo cáo kết quả hoạt động riêng giữa niên độ thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty chứng khoán.

Lợi nhuận đã thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào báo cáo kết quả hoạt động riêng giữa niên độ của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

	<i>Mức trích lập từ</i>	
	<i>lợi nhuận sau thuế</i>	<i>Mức trích lập tối đa</i>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên toàn Công ty.

3.26 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được phê duyệt tại Cuộc họp thường niên toàn Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.27 *Các khoản mục không có số dư*

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

B09a-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho kỳ kế toán quý 4 năm 2017 kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND
Tiền mặt tại quỹ	158.164.107	41.899.691
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	9.333.781.165	14.948.714.430
	9.491.945.272	14.990.614.121

5. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG KỲ

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ (đơn vị)	Giá trị giao dịch thực hiện trong kỳ (VND)
a. Cửa Công ty	82.766.963	5.809.743.766.500
- Cổ phiếu	22.106.393	529.412.266.500
- Trái phiếu	60.660.570	5.280.331.500.000
b. Cửa nhà đầu tư	416.288.332	4.985.665.988.600
- Cổ phiếu	415.631.215	4.983.020.437.400
- Chứng chỉ quỹ	657.117	2.645.551.200
	499.055.295	10.795.409.755.100

6. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

6.1 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

	Ngày 31 tháng 12 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết	288.940.661.613	351.085.821.050	281.609.215.750	254.520.165.672
FPT	13.458.679.362	20.557.941.400	19.086.311.158	19.086.311.158
FCN	11.562.256.775	13.122.000.000	24.274.794.676	21.454.839.000
CEO	23.627.103.332	22.464.000.000	8.857.612.533	8.802.783.332
PNJ	17.640.040.365	32.880.548.000	8.027.494.400	7.806.036.000
MSN	8.166.691.843	11.923.398.500	10.029.187.000	9.616.968.000
VSC	22.594.629.904	20.382.086.000	13.361.672.631	13.361.672.631
VJC	5.548.389.080	8.808.880.800	-	-
CII	10.569.269.189	11.232.596.700	24.254.348.591	24.109.290.208
VIC	135.632	231.900	71.030	71.030
LDG	1.503.269.713	2.977.500.000	13.390.522.555	7.113.600.000
TRC	7.070.797.924	5.184.000.000	15.366.808.000	10.464.332.500
Cổ phiếu khác	167.199.398.494	201.552.637.750	144.960.393.176	132.704.261.813
Cổ phiếu chưa niêm yết	11.840.490	3.327.690	21.841.147.348	7.176.746.050
SHG	-	-	21.829.306.858	7.174.160.000
Cổ phiếu khác	11.840.490	3.327.690	11.840.490	2.586.050
Trái phiếu niêm yết	-	-	50.791.500.000	50.791.500.000
Chứng chỉ quỹ	31.310.000.000	31.310.000.000	-	-
	320.262.502.103	382.399.148.740	354.241.863.098	312.488.411.722

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

B09a-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho kỳ kế toán quý 4 năm 2017 kết thúc cùng ngày

6. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6.2 Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

	Ngày 31 tháng 12 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu chưa niêm yết				
- NHTM CP Tiên Phong	-	-	36.408.000.000	36.408.000.000
- CTCP Dịch vụ Di Động Trực Tuyến	9.058.258.872	9.058.258.872	9.058.258.872	9.058.258.872
- CTCP Viễn Thông Tinh Vân	3.000.000.000	645.520.000	3.000.000.000	1.311.520.000
	12.058.258.872	9.703.608.872	48.466.258.872	46.777.778.872

6.3 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

	Ngày 31 tháng 12 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Tiền gửi có kỳ hạn				
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	776.550.000.000	776.550.000.000	749.500.000.000	749.500.000.000
- Ngân hàng TMCP Á Châu	150.000.000.000	150.000.000.000	-	-
	926.550.000.000	926.550.000.000	749.500.000.000	749.500.000.000

Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng bằng VND, có kỳ hạn gốc từ 12 tháng đến 13 tháng (31/12/2016: kỳ hạn gốc từ 12 tháng đến 13 tháng).

Công ty có sử dụng một số khoản tiền gửi kỳ hạn là 757,670,726,916 đồng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (31/12/2016: 658.997 triệu đồng).

6.4 Các khoản cho vay

	Ngày 31 tháng 12 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cho vay hoạt động ký quỹ	142.834.048.089	142.253.889.371	88.740.016.473	87.498.658.822
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán	12.864.762.457	12.864.762.457	2.259.367.225	2.259.367.225
	155.698.810.546	155.118.651.828	90.999.383.698	89.758.026.047

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho kỳ kế toán quý 4 năm 2017 kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

6. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6.5 Tình hình biến động giá trị thị trường của các tài sản tài chính

Các loại tài sản tài chính	Ngày 31 tháng 12 năm 2017				Ngày 31 tháng 12 năm 2016			
	Giá mua VND	Chênh lệch đánh giá		Giá trị hợp lý VND	Giá mua VND	Chênh lệch đánh giá		Giá trị hợp lý VND
		Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND			Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)								
1 Cổ phiếu niêm yết								
FPT	13.458.679.362	7.099.262.038	-	20.557.941.400	19.086.311.158	-	-	19.086.311.158
FCN	11.562.256.775	1.559.743.225	-	13.122.000.000	24.274.794.676	-	2.819.955.676	21.454.839.000
CEO	23.627.103.332	-	1.163.103.332	22.464.000.000	8.857.612.533	-	54.829.201	8.802.783.332
PNJ	17.640.040.365	15.240.507.635	-	32.880.548.000	8.027.494.400	-	221.458.400	7.806.036.000
MSN	8.166.691.843	3.756.706.657	-	11.923.398.500	10.029.187.000	-	412.219.000	9.616.968.000
VSC	22.594.629.904	-	2.212.543.904	20.382.086.000	13.361.672.631	-	-	13.361.672.631
VJC	5.548.389.080	3.260.491.720	-	8.808.880.800	-	-	-	-
CII	10.569.269.189	663.327.511	-	11.232.596.700	24.254.348.591	-	145.058.383	24.109.290.208
VIC	135.632	96.268	-	231.900	71.030	-	-	71.030
LDG	1.503.269.713	1.474.230.287	-	2.977.500.000	13.390.522.555	-	6.276.922.555	7.113.600.000
TRC	7.070.797.924	-	1.886.797.924	5.184.000.000	15.366.808.000	-	4.902.475.500	10.464.332.500
Khác	167.199.398.494	38.347.754.054	3.994.514.798	201.552.637.750	144.960.393.176	-	12.256.131.363	132.704.261.813
	288.940.661.613	71.402.119.395	9.256.959.958	351.085.821.050	281.609.215.750	-	27.089.050.078	254.520.165.672
2. Cổ phiếu chưa niêm yết								
SHG	-	-	-	-	21.829.306.858	-	14.655.146.858	7.174.160.000
Khác	11.840.490	585.950	9.098.750	3.327.690	11.840.490	-	9.254.440	2.586.050
	11.840.490	585.950	9.098.750	3.327.690	21.841.147.348	-	14.664.401.298	7.176.746.050
3. Trái phiếu niêm yết								
TD1626457	-	-	-	-	50.791.500.000	-	-	50.791.500.000
4. Chứng chỉ quỹ								
	31.310.000.000	-	-	31.310.000.000	-	-	-	-
	320.262.502.103	71.402.705.345	9.266.058.708	382.399.148.740	354.241.863.098	-	41.753.451.376	312.488.411.722

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

B09a-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho kỳ kế toán quý 4 năm 2017 kết thúc cùng ngày

6. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6.6 Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính

	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND
Các khoản cho vay và phải thu	580.158.718	1.241.357.651
Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	2.354.650.000	1.688.480.000
	2.934.808.718	2.929.837.651

Chi tiết các TSTC hạch toán theo phương pháp giá gốc và dự phòng giảm giá các TSTC như sau:

STT	Loại TSTC	Số lượng Cổ phiếu	Cơ sở lập dự phòng		Giá trị lập dự phòng 31/12/2017 VND	Giá trị lập dự phòng 31/12/2016 VND	Mức hoàn nhập dự phòng Kỳ này VND
			Giá số sách kế toán VND	Giá trị hợp lý VND			
I	HTM Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng		926.550.000.000	926.550.000.000	-	-	-
II	Cho vay Cho vay kỳ quỹ Ứng trước		926.550.000.000	926.550.000.000	-	-	-
			155.698.810.546	155.118.651.828	(580.158.718)	(1.241.357.651)	661.198.933
			142.834.048.089	142.253.889.371	(580.158.718)	(1.241.357.651)	661.198.933
			12.864.762.457	12.864.762.457	-	-	-
III	AFS (cổ phiếu) CTCP Dịch vụ Di Động Trực Tuyến CTCP Viễn Thông Tinh Vân	919.870	12.058.258.872	9.703.608.872	(2.354.650.000)	(1.688.480.000)	(666.170.000)
		869.870	9.058.258.872	9.058.258.872	-	-	-
		50.000	3.000.000.000	645.350.000	(2.354.650.000)	(1.688.480.000)	(666.170.000)
			1.094.307.069.418	1.091.372.260.700	(2.934.808.718)	(2.929.837.651)	(4.971.067)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho kỳ kế toán quý 4 năm 2017 kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

6. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

6.7 Các khoản đầu tư tài sản tài chính dài hạn

CHỈ TIÊU	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán VND		So với giá trị trường VND		Tổng giá trị theo giá trị trường VND	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Tăng		Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
					Cuối kỳ	Đầu kỳ		
I. Đầu tư góp vốn Đầu tư vào công ty con								
- Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt								
			2.480.000	2.480.000	36.704.000.000	36.704.000.000	-	36.704.000.000

Đây là khoản đầu tư vào 99.20% phần vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt, là một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005793 ngày 26 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty được cấp giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ lần đầu số 15/UBCK-GPHĐQLQ ngày 28 tháng 12 năm 2006 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 21/GPĐC-UBCK ngày 1 tháng 9 năm 2015 bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

B09a-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho kỳ kế toán quý 4 năm 2017 kết thúc cùng ngày

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND
Các khoản phải thu thanh toán bù trừ T+2	485.000.000	19.552.500.000
- Cổ phiếu niêm yết	485.000.000	19.552.500.000
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	36.278.989.867	21.651.043.354
- Cổ tức	592.003.200	798.587.800
- Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	35.686.986.667	20.852.455.554
	36.763.989.867	41.203.543.354

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND
Tạm ứng mua chứng chỉ quỹ Đầu tư	19.845.490.000	20.686.820.000
Tăng trưởng TVAM	181.450.000	301.448.026
Tạm ứng khác		
	20.026.940.000	20.988.268.026

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND
Phải thu Công ty Cổ phần Thương mại Nguyễn Kim	-	11.472.550.000
Các khoản phải thu khác	97.916.187	44.515.190
	97.916.187	11.517.065.190

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Ngày 30 tháng 9 năm 2017 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	751.105.363	675.838.378
- Phí bảo trì hệ thống	299.806.249	256.398.370
- Tiền thuê văn phòng	161.059.320	140.616.000
- Phí bảo hiểm	33.597.128	13.262.125
- Phí dịch vụ khác	256.642.666	265.561.883
Chi phí trả trước dài hạn	782.258.272	899.328.257
- Thiết bị tin học	551.887.046	656.072.241
- Công cụ, dụng cụ	230.371.226	243.256.016
	1.533.363.635	1.575.166.635

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho kỳ kế toán quý 4 năm 2017 kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Ngày 1 tháng 1 năm 2017	1.491.567.770	14.867.734.885	1.494.462.500	202.596.880	18.056.362.035
Mua trong kỳ	-	415.729.145	1.037.780.700	-	1.453.509.845
Thanh lý	-	(267.186.523)	(641.122.500)	-	(908.309.023)
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	1.491.567.770	15.016.277.507	1.891.120.700	202.596.880	18.601.562.857
Hao mòn lũy kế					
Ngày 1 tháng 1 năm 2017	1.491.567.770	11.708.753.125	742.654.154	202.596.880	14.145.571.929
Khấu hao trong kỳ	-	975.572.611	255.672.474	-	1.231.245.085
Thanh lý	-	(267.186.523)	(641.122.500)	-	(908.309.023)
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	1.491.567.770	12.417.139.213	357.204.128	202.596.880	14.468.507.991
Giá trị còn lại					
Ngày 1 tháng 1 năm 2017	-	3.158.981.760	751.808.346	-	3.910.790.106
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	-	2.599.138.294	1.533.916.572	-	4.133.054.866

Nguyên giá TSCĐ hữu hình tại ngày 31/12/2017 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 13.112.561.635 đồng (31/12/2016: 12.875.799.634 đồng).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

B09a-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho kỳ kế toán quý 4 năm 2017 kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Phần mềm</i> VND	<i>Tài sản</i> <i>vô hình khác</i> VND	<i>Tổng cộng</i> VND
Nguyên giá			
Ngày 1 tháng 1 năm 2017	9.751.729.910	2.301.546.400	12.053.276.310
Mua trong kỳ	80.000.000	-	80.000.000
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	9.831.729.910	2.301.546.400	12.133.276.310
Hao mòn lũy kế			
Ngày 1 tháng 1 năm 2017	5.013.892.595	2.268.927.644	7.282.820.239
Hao mòn trong kỳ	1.083.605.820	32.618.756	1.116.224.576
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	6.097.498.415	2.301.546.400	8.399.044.815
Giá trị còn lại			
Ngày 1 tháng 1 năm 2017	4.737.837.315	32.618.756	4.770.456.071
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	3.734.231.495	-	3.734.231.495

Nguyên giá TSCĐ vô hình tại ngày 31/12/2017 đã hao mòn hết nhưng vẫn còn sử dụng là 6.756.247.195 đồng (31/12/2016: 6.602.747.195 đồng).

13. CẦM CỐ, THẾ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỢC

	<i>Ngày 31 tháng 12</i> <i>năm 2017</i> VND	<i>Ngày 31 tháng 12</i> <i>năm 2016</i> VND
Đặt cọc ngắn hạn hoạt động mua bán trái phiếu	-	17.820.920.000
Đặt cọc dài hạn cho các hoạt động khác	1.062.175.500	1.057.258.000
	1.062.175.500	18.878.178.000

14. THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

	<i>Ngày 31 tháng</i> <i>12 năm 2017</i> VND	<i>Ngày 31 tháng 12</i> <i>năm 2016</i> VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
- Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư (Thuyết minh 25.1)	470.930.000	337.696.000
- Dự phòng phải thu khó đòi (Thuyết minh 25.1)	1.665.634.460	2.280.562.460
	2.136.564.460	2.618.258.460
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:		
- Lãi chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính FPTVL	12.427.329.327	-
	12.427.329.327	-

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

B09a-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho kỳ kế toán quý 4 năm 2017 kết thúc cùng ngày

15. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Theo Quyết định số 27/QĐ-VSD ngày 13 tháng 3 năm 2015 về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ thanh toán của Tổng Giám đốc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và hàng năm phải đóng bổ sung 0.01% tổng giá trị chứng khoán mỗi giới của năm trước nhưng không quá 2.5 tỷ VND/năm.

Biến động tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán trong kỳ như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	4.151.381.518	3.791.904.536
	4.271.381.518	3.911.904.536

16. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND
Phải trả cho Sở Giao dịch Chứng khoán	238.066.642	180.509.226
Phải trả Trung tâm Lưu ký Chứng khoán	68.958.484	55.875.853
	307.025.126	236.385.079

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND
Phải trả mua các tài sản tài chính	2.572.797.000	50.791.500.000
Phải trả phí quản lý danh mục đầu tư	16.209.169.951	5.466.414.577
Phải trả chi phí bảo trì phần mềm	-	384.581.250
Phải trả khác	93.837.224	214.965.149
	18.875.804.175	56.857.460.976

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho kỳ kế toán quý 4 năm 2017 kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

18. VAY NGẮN HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND	Số vay trong kỳ VND	Số đã trả trong kỳ VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND
Tổ chức tài chính	636.533.000.000	4.542.510.396.787	(4.424.822.396.787)	754.221.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	391.183.000.000	1.202.850.000.000	(1.158.852.000.000)	435.181.000.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam	-	400.000.000.000	(250.000.000.000)	150.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	245.350.000.000	2.919.660.396.787	(3.015.970.396.787)	149.040.000.000
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	-	20.000.000.000	-	20.000.000.000
Tổ chức kinh tế	-	48.000.000.000	-	48.000.000.000
- CTCP Truyền thông và Giải trí Galaxy	-	40.000.000.000	-	40.000.000.000
- Công ty TNHH MTV Án Phẩm	-	8.000.000.000	-	8.000.000.000
	636.533.000.000	4.590.510.396.787	(4.424.822.396.787)	802.221.000.000

Lãi suất vay hàng năm của các khoản vay ngắn hạn trên là 5.10% - 8.50% và các khoản vay này được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi có kỳ hạn của Công ty (Thuyết minh 6.3).

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

STT	Chi tiêu	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND
1	Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.021.141.430	22.291.932.264	(14.519.287.166)	15.793.786.528
2	Thuế giá trị gia tăng	262.860.000	191.258.386	(310.482.022)	143.636.364
3	Thuế thu nhập cá nhân	2.576.346.928	8.381.860.861	(8.479.389.433)	2.478.818.356
-	Thuế TNCN khấu trừ của nhân viên	2.258.459.326	3.535.880.661	(3.771.023.033)	2.023.316.954
-	Thuế TNCN khấu trừ của nhà đầu tư	245.398.684	3.392.854.069	(3.254.953.703)	383.299.050
-	Thuế TNCN khấu trừ của người cung cấp dịch vụ	72.461.968	103.857.681	(104.117.297)	72.202.352
-	Thuế TNCN khấu trừ từ cổ tức	26.950	1.349.268.450	(1.349.295.400)	-
		10.860.348.358	30.865.051.511	(23.309.158.621)	18.416.241.248

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

B09a-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho kỳ kế toán quý 4 năm 2017 kết thúc cùng ngày

20. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

Đây là khoản tiền mà các nhà đầu tư đặt cọc cho Công ty để tìm kiếm và mua trái phiếu Chính phủ. Trong kỳ, Công ty đã hoàn tất các hợp đồng đặt mua trái phiếu và đã hoàn trả tiền cọc cho nhà đầu tư.

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND
Lãi dự trả cho các hợp đồng vay	3.610.739.445	635.146.056
Phải trả chi phí dịch vụ chuyên môn	180.000.000	182.839.518
	3.790.739.445	817.985.574

22. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND
Phải trả cổ tức cho cổ đông	1.409.021.095	1.290.767.375
Các khoản phải trả, phải nộp khác	15.359.301	15.359.301
	1.424.380.396	1.306.126.676

23. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Lũy kế từ đầu năm đến 31 tháng 12 năm 2017 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND
Số đầu kỳ	2.145.075.336	11.881.898.816
Trích trong kỳ (Thuyết minh 24.2)	3.078.328.638	4.553.176.520
Sử dụng trong kỳ	-	(14.290.000.000)
Số cuối kỳ	5.223.403.974	2.145.075.336

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho kỳ kế toán quý 4 năm 2017 kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

24. VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

24.1 *Vốn góp của chủ sở hữu*

Chi tiết số lượng cổ phần của Công ty như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 Đơn vị	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 Đơn vị
Số lượng cổ phần được phép phát hành <i>Cổ phiếu thường</i>	57.871.041 57.871.041	53.429.506 53.429.506
Số lượng cổ phần đã phát hành và thanh toán đầy đủ <i>Cổ phiếu thường</i>	57.871.041 57.871.041	53.429.506 53.429.506
Số lượng cổ phần mua lại (cổ phiếu quỹ) <i>Cổ phiếu thường</i>	4.070.750 4.070.750	4.070.750 4.070.750
Số lượng cổ phần đang lưu hành <i>Cổ phiếu thường</i>	53.800.291 53.800.291	49.358.756 49.358.756

24.2 *Lợi nhuận chưa phân phối*

	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	95.457.354.452	68.963.978.922
Lợi nhuận chưa thực hiện	49.709.317.309	-
Tổng cộng	145.166.671.761	68.963.978.922

Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến 31 tháng 12 năm 2017 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối đầu kỳ	68.963.978.922	92.178.157.948
Lợi nhuận chưa thực hiện trong kỳ	49.709.317.309	-
Lợi nhuận đã thực hiện trong kỳ	104.148.886.408	61.566.572.770
Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông	222.822.182.639	153.744.730.718
Số trích các quỹ từ lợi nhuận		
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 23)	(3.078.328.638)	(4.553.176.520)
- Quỹ dự trữ điều lệ	(5.207.444.320)	(3.078.328.638)
- Quỹ dự phòng tài chính	(5.207.444.320)	(3.078.328.638)
Số lãi phân phối cho cổ đông		
- Chia cổ tức bằng tiền mặt	(29.615.253.600)	(43.573.138.000)
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu thường	(34.547.040.000)	(30.497.780.000)
Lợi nhuận chưa phân phối cho cổ đông cuối kỳ	145.166.671.761	68.963.978.922

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

B09a-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho kỳ kế toán quý 4 năm 2017 kết thúc cùng ngày

25. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

25.1. Nợ khó đòi đã xử lý

	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND
Tạm ứng tiền bán chứng khoán	14.470.476.001	22.628.366.087
Khoản cho vay hỗ trợ thanh toán	21.474.230.387	21.474.230.387
Phải thu cổ tức	1.114.000.000	1.114.000.000
Phải thu hoạt động tư vấn	973.316.000	973.316.000
	38.032.022.388	46.189.912.474

25.2. Ngoại tệ các loại

	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND
USD	2.691.216.466	7.138.430.798

25.3. Cổ phiếu đang lưu hành

	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 Cổ phiếu	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 Cổ phiếu
Cổ phiếu đang lưu hành của Công ty	53.800.291	49.358.756

25.4. Cổ phiếu quỹ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 Cổ phiếu	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 Cổ phiếu
Cổ phiếu quỹ	4.070.750	4.070.750

25.5. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch của Công ty

	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND
Mệnh giá tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	142.998.500.000	144.480.750.000
Mệnh giá tài sản tài chính chờ thanh toán	200.000.000	4.500.000.000
	143.198.500.000	148.980.750.000

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

B09a-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho kỳ kế toán quý 4 năm 2017 kết thúc cùng ngày

25. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

25.6 Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Công ty

	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	2.530.000	22.430.000

25.7 Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Công ty

	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND
Cổ phiếu	9.198.700.000	54.708.700.000

25.8 Tài sản tài chính được hưởng quyền của Công ty

	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND
Cổ phiếu	400.000.000	-

25.9 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch của nhà đầu tư

	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	884.137.090.000	809.636.700.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	79.200.000.000	79.200.000.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	12.529.600.000	4.006.100.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	-	6.369.850.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	3.230.500.000	38.280.000
	979.097.190.000	899.250.930.000

25.10 Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của nhà đầu tư

	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	34.985.650.000	14.906.060.000

25.11 Tài sản tài chính chờ về của nhà đầu tư

	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND
Cổ phiếu	29.631.200.000	9.325.710.000

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

B09a-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho kỳ kế toán quý 4 năm 2017 kết thúc cùng ngày

25. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

25.12 Tiền gửi của Nhà đầu tư

	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	104.910.816.409	59.758.999.483
- Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	104.765.968.427	59.132.700.544
- Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	144.847.982	626.298.939
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	6.116.539	5.940.991
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	5.707.897	5.534.760
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài	408.642	406.231
	104.916.932.948	59.764.940.474

25.13 Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý

	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND
Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	65.591.889.827	31.817.595.488
Của Nhà đầu tư trong nước	65.419.736.882	31.190.813.317
Của Nhà đầu tư nước ngoài	172.152.945	626.782.171
Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	39.279.699.600	27.912.061.600
Của Nhà đầu tư trong nước	39.279.699.600	27.912.061.600
Của Nhà đầu tư nước ngoài	-	-
Phải trả khác của Nhà đầu tư	45.343.521	35.283.386
Của Nhà đầu tư trong nước	45.343.521	35.283.386
	104.916.932.948	59.764.940.474

25.14 Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND
Phải trả cổ tức và lãi trái phiếu	1.409.021.095	1.290.767.375

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho kỳ kế toán quý 4 năm 2017 kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

26. LÃI/LỖ TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

26.1. Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán Cổ phiếu	Giá bán VND	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi, lỗ bán chứng khoán kỳ này VND
1	Cổ phiếu	16.818.687		450.386.080.488	330.506.598.092	119.879.482.394
	REE	1.260.400	26.148	34.420.526.000	29.219.707.008	5.200.818.992
	DXG	810.000	16.933	13.781.000.000	9.692.861.235	4.088.138.765
	SSI	687.490	26.141	18.241.697.500	13.474.804.000	4.766.893.500
	VCB	995.000	41.063	42.368.309.000	35.702.803.099	6.665.505.901
	CII	1.083.200	35.450	37.982.623.045	29.109.172.769	8.873.450.276
	GMD	476.500	39.566	18.602.544.000	13.668.470.395	4.934.073.605
	HCM	863.780	44.475	36.450.619.663	26.210.210.093	10.240.409.570
	TRC	211.190	29.322	6.173.165.500	3.393.534.576	2.779.630.924
	TCM	171.730	26.248	4.514.225.500	3.398.445.684	1.115.779.816
	FPT	913.690	51.556	47.413.161.480	31.714.406.976	15.698.754.504
	DHG	130.420	119.530	15.778.692.000	8.574.358.318	7.204.333.682
	Cổ phiếu khác	9.215.287	17.206	174.659.516.800	126.347.823.939	48.311.692.859
2	Trái phiếu	24.500.000		2.660.793.500.000	2.656.876.000.000	3.134.500.000
	TD1419081	1.500.000	106.716	160.074.000.000	160.048.500.000	25.500.000
	TD1520264	4.000.000	105.445	421.780.000.000	420.877.000.000	903.000.000
	TD1530290	500.000	117.153	58.576.500.000	58.419.000.000	157.500.000
	TD1623481	500.000	113.361	56.680.500.000	56.704.000.000	(23.500.000)
	TD1626456	5.000.000	106.076	529.599.000.000	528.694.500.000	904.500.000
	TD1626457	6.000.000	102.364	614.102.000.000	613.531.000.000	571.000.000
	TL1535300	6.000.000	119.313	715.879.500.000	714.512.500.000	1.367.000.000
	TD1419090	500.000	101.612	50.806.000.000	50.800.000.000	6.000.000
	TD1520268	500.000	106.592	53.296.000.000	53.289.500.000	6.500.000
4	Hợp đồng hoán đổi lãi suất			3.111.179.580.488	2.987.382.598.092	1.102.141.667
				3.111.179.580.488	2.987.382.598.092	124.899.124.061

Trong đó:

- Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL
- Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL

144.370.348.492
(19.471.224.431)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho kỳ kế toán quý 4 năm 2017 kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

26. LÃI/LỖ TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

26.2. Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo số kế toán VND	Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại tại 30/9/2017 VND	Chênh lệch đánh giá lại tại 31/12/2016 VND	Chênh lệch điều chỉnh số kế toán kỳ này VND
I	FVTPL (Thuyết minh 6.5)	320.262.502.103	382.399.148.740	62.136.646.637	(41.753.451.376)	103.890.098.013
1	Cổ phiếu niêm yết	288.940.661.613	351.085.821.050	62.145.159.437	(27.089.050.078)	89.234.209.515
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	11.840.490	3.327.690	(8.512.800)	(14.664.401.298)	14.655.888.498
3	Chứng chỉ quỹ	31.310.000.000	31.310.000.000	-	-	-
	Trong đó:					
	- Chênh lệch tăng					133.265.564.794
	- Chênh lệch giảm					(71.128.918.158)
	- Chênh lệch giảm năm trước đã thực hiện					41.753.451.376
II	HTM (Thuyết minh 6.6)	926.550.000.000	926.550.000.000	-	-	-
III	Các khoản cho vay và phải thu (Thuyết minh 6.6)	155.698.810.546	155.118.651.828	(580.158.718)	(1.241.357.651)	661.198.933
IV	AFS (Thuyết minh 6.6)	12.058.258.872	9.703.608.872	(2.354.650.000)	(1.688.480.000)	(666.170.000)
		1.414.569.571.521	1.473.771.409.440	59.201.837.919	(44.683.289.027)	103.885.126.946

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

B09a-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho kỳ kế toán quý 4 năm 2017 kết thúc cùng ngày

26. LÃI/LỖ TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

26.3. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL, HTM, các khoản cho vay và phải thu

	Giai đoạn từ 01/10/2017 đến 31/12/2017 VND	Giai đoạn từ 01/10/2016 đến 31/12/2016 VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	3.220.598.250	1.890.800.900
Từ tài sản tài chính HTM	18.393.639.447	11.215.032.298
Từ các khoản cho vay và phải thu	3.878.470.573	2.562.607.113
	25.492.708.270	15.668.440.311

26.4. Doanh thu ngoài thu nhập các tài sản tài chính

	Giai đoạn từ 01/10/2017 đến 31/12/2017 VND	Giai đoạn từ 01/10/2016 đến 31/12/2016 VND
Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	5.676.998.995	8.517.854.581
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	122.305.565	105.250.295
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	1.481.818.181	4.828.600.000
	7.281.122.741	13.451.704.876

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Giai đoạn từ 01/10/2017 đến 31/12/2017 VND	Giai đoạn từ 01/10/2016 đến 31/12/2016 VND
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	366.030.270	514.797.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	219	6.887.724
	366.030.489	521.684.724

28. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Giai đoạn từ 01/10/2017 đến 31/12/2017 VND	Giai đoạn từ 01/10/2016 đến 31/12/2016 VND
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	3.516.052.717	2.797.685.156
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	122.262.754	110.988.392
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	4.918.643.227	4.755.132.433
	8.556.958.698	7.663.805.981

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

B09a-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho kỳ kế toán quý 4 năm 2017 kết thúc cùng ngày

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Giai đoạn từ 01/10/2017 đến 31/12/2017 VND</i>	<i>Giai đoạn từ 01/10/2016 đến 31/12/2016 VND</i>
Chi phí lãi vay	11.158.350.428	7.359.933.760
Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái	5.661.619	523
	11.164.012.047	7.359.934.283

30. THU NHẬP KHÁC

	<i>Giai đoạn từ 01/10/2017 đến 31/12/2017 VND</i>	<i>Giai đoạn từ 01/10/2016 đến 31/12/2016 VND</i>
Thu nhập khác	-	11.194.645.016
- Thu từ khoản nợ khó đòi đã xử lý	-	11.194.645.016
- Thu khác	-	-
Chi phí khác	-	(134.991.750)
	-	11.059.653.266

31. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	<i>Giai đoạn từ 01/10/2017 đến 31/12/2017 VND</i>	<i>Giai đoạn từ 01/10/2016 đến 31/12/2016 VND</i>
Chi phí lương và các khoản khác theo lương	6.153.417.192	4.140.064.127
BHXH, BHYT, KPCĐ và BHTN	358.124.730	334.114.514
Chi phí dịch vụ mua ngoài	952.064.154	2.071.905.948
Chi phí khấu hao TSCĐ	111.773.008	116.243.667
Chi phí công cụ, dụng cụ	78.434.295	73.400.432
Chi phí thuế, phí và lệ phí	660.742.001	9.441.157
Chi phí khác	1.914.862.973	727.181.277
	10.229.418.353	7.472.351.122

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

B09a-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho kỳ kế toán quý 4 năm 2017 kết thúc cùng ngày

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế (năm 2016: 20%).

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

33.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>Luỹ kế từ đầu năm đến 31 tháng 12 năm 2017 VND</i>	<i>Luỹ kế từ đầu năm đến 31 tháng 12 năm 2016 VND</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	21.793.786.528	12.703.778.085

33.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc niên độ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Luỹ kế từ đầu năm đến 31 tháng 12 năm 2017 VND</i>	<i>Luỹ kế từ đầu năm đến 31 tháng 12 năm 2016 VND</i>
Lợi nhuận thuần trước thuế	188.561.013.572	74.532.176.701
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	37.712.202.714	14.906.435.340
Các khoản điều chỉnh tăng		
- Thù lao cho Hội đồng quản trị	210.000.000	210.000.000
- Chi phí không được khấu trừ thuế	133.944.401	252.150.925
Các khoản điều chỉnh giảm		
- Lợi nhuận đánh giá lại chưa thực hiện	(12.427.329.327)	-
- Thu nhập từ cổ tức	(3.835.031.260)	(2.664.808.180)
Chi phí thuế TNDN	21.793.786.528	12.703.778.085

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

B09a-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho kỳ kế toán quý 4 năm 2017 kết thúc cùng ngày

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

33.3 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ		Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất giữa niên độ	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2017 VND	Lũy kế từ đầu năm đến 31/12/2016 VND
Tài sản thuế TNDN hoãn lại				
- Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	470.930.000	337.696.000	-	-
- Dự phòng phải thu khó đòi	1.665.634.460	2.280.562.460	-	-
	2.136.564.460	2.618.258.460		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:				
- Lãi chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính FPTVL	12.427.329.327	-	-	-
	12.427.329.327			
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			12.909.023.327	-

34. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

34.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế từ đầu năm
			đến 31 tháng 12 năm 2017 VND	đến 30 tháng 9 năm 2016 VND
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt	Công ty con	Phí quản lý danh mục đầu tư	19.378.676.396	5.787.555.367
		Thu nhập cổ tức	6.200.000.000	-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các giao dịch với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 31 tháng 12	Ngày 31 tháng 12
			năm 2017 VND	năm 2016 VND
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt	Công ty con	Danh mục ủy thác đầu tư	90.411.730.704	91.704.246.975
		Phải trả phí quản lý danh mục	16.209.169.951	5.466.414.577

34.2 Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc lũy kế đến 31.12.2017 3.890.427.273 đồng (31.12.2016: 2.376.450.000 đồng).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

B09a-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho kỳ kế toán quý 4 năm 2017 kết thúc cùng ngày

34. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

34.3 Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND
Đến 1 năm	2.905.913.760	2.895.355.680
Trên 1 - 5 năm	968.637.920	2.412.796.400
	3.874.551.680	5.308.152.080

34.4 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty, Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi và các khoản nợ vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì các công cụ tài chính của Công ty chịu lãi suất cố định.

34. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

34.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá ngoại tệ hối đoái. Công ty đánh giá rủi ro ngoại tệ của Công ty ở mức rất thấp do tài sản và nợ phải trả của Công ty bằng ngoại tệ là không đáng kể.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư, Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Khi thay đổi về giá cổ phiếu có thể ảnh hưởng đến lợi nhuận và vốn chủ sở hữu của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán cho khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được và yêu cầu các hình thức đảm bảo hoặc bảo hiểm tín dụng cho các khách hàng lớn. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo, Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và thành lập một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong Báo cáo tình hình tài chính riêng tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ, Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay ký quỹ và ứng trước cho khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến quy trình cho vay ký quỹ và ứng trước cho khách hàng.

Công ty thực hiện đánh giá và thẩm định khách hàng để xác định hạn mức tín dụng cũng như các tỷ lệ ký quỹ và ứng trước khi ký kết các hợp đồng ký quỹ và ứng trước cho khách hàng, cũng như định kỳ kiểm tra lại tình hình tài chính của khách hàng vay để có các điều chỉnh phù hợp về tỷ lệ ký quỹ và hạn mức tín dụng.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho kỳ kế toán quý 4 năm 2017 kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

34. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

34.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Các khoản cho vay ký quỹ và ứng trước cho khách hàng (tiếp theo)

Ngoại trừ các tài sản tài chính mà Công ty đã lập dự phòng như trong *Thuyết minh 6.6*, Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt, ngoại trừ các khoản phải thu được trình bày ở bảng dưới đây được coi là quá hạn nhưng chưa bị suy giảm tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 do có đầy đủ tài sản đảm bảo.

Chi tiết về phân loại chất lượng tín dụng toàn bộ tài sản tài chính có liên quan đến rủi ro tín dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Quá hạn nhưng không bị suy giảm				Bị suy giảm giá trị VND	Tổng cộng VND
	Không quá hạn và không bị suy giảm VND	Dưới 3 tháng VND	3 - 6 tháng VND	6 - 12 tháng VND		
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	926,550,000,000	-	-	-	-	926,550,000,000
Tiền gửi có kỳ hạn	926,550,000,000	-	-	-	-	926,550,000,000
Các khoản cho vay - gộp	155,118,651,828	-	-	-	580,158,718	155,698,810,546
Tài sản tài chính khác	63,721,751,087	-	-	-	-	63,721,751,087
Phải thu bán các tài sản tài chính	485,000,000	-	-	-	-	485,000,000
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	36,278,989,867	-	-	-	-	36,278,989,867
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	1,778,714,202	-	-	-	-	1,778,714,202
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	1,062,175,500	-	-	-	-	1,062,175,500
Phải thu khác	24,116,871,518	-	-	-	-	24,116,871,518
Tổng cộng	1,145,390,402,915	-	-	-	580,158,718	1,145,970,561,633

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho kỳ kế toán quý 4 năm 2017 kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

34. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

34.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017:

	Quá hạn VND	Không kỳ hạn VND	Đến 01 năm VND	Từ 01 - 05 năm VND	Trên 05 năm VND	Tổng cộng VND
TÀI SẢN TÀI CHÍNH						
Các khoản đầu tư nắm giữ để kinh doanh	-	382.399.148.740	-	-	-	382.399.148.740
Cổ phiếu niêm yết	-	351.085.821.050	-	-	-	351.085.821.050
Cổ phiếu chưa niêm yết	-	3.327.690	-	-	-	3.327.690
Chứng chỉ quỹ	-	31.310.000.000	-	-	-	31.310.000.000
Các khoản đầu tư sẵn sàng để bán - gộp	-	12.058.258.872	-	-	-	12.058.258.872
Cổ phiếu chưa niêm yết	-	12.058.258.872	-	-	-	12.058.258.872
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	926.550.000.000	-	-	926.550.000.000
Tiền gửi kỳ hạn	-	-	926.550.000.000	-	-	926.550.000.000
Các khoản cho vay - gộp	580.158.718	-	155.118.651.828	-	-	155.698.810.546
Tài sản tài chính khác	-	1.778.714.202	36.763.989.867	20.907.665.500	4.271.381.518	63.721.751.087
Phải thu bán các tài sản tài chính	-	-	485.000.000	-	-	485.000.000
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	-	-	36.278.989.867	-	-	36.278.989.867
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	-	1.778.714.202	-	-	-	1.778.714.202
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	-	-	-	1.062.175.500	-	1.062.175.500
Phải thu khác	-	-	-	19.845.490.000	4.271.381.518	24.116.871.518
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	9.491.945.272	-	-	-	9.491.945.272
	580.158.718	405.728.067.086	1.118.432.641.695	20.907.665.500	4.271.381.518	1.549.919.914.517
NỢ TÀI CHÍNH						
Vay ngắn hạn	-	-	802.221.000.000	-	-	802.221.000.000
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	-	307.025.126	-	-	-	307.025.126
Phải trả, phải nộp khác	-	24.090.924.016	-	-	-	24.090.924.016
	-	24.397.949.142	802.221.000.000	-	-	826.618.949.142
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	580.158.718	381.330.117.944	316.211.641.695	20.907.665.500	4.271.381.518	723.300.965.375

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

B09a-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho kỳ kế toán quý 4 năm 2017 kết thúc cùng ngày

34. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

34.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp, Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.



Bà Nguyễn Thị Vân
Người lập



Ông Lê Quang Tiến
Kế toán Trưởng



Bà Nguyễn Thanh Thảo
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 20 tháng 01 năm 2018